

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 25763
	Giờ: Ngày 6 tháng 9 năm 10

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN
TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG
ĐỒNG NAI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2010	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	13 - 27
8. Phụ lục	28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần tắm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 73/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty tắm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai (thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam) sang công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000010 ngày 22 tháng 9 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 23 tháng 5 năm 2006 với nội dung tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 17 tháng 7 năm 2009 với nội dung tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành, nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn Nhà nước	22.682.440.000	12,50
Các cổ đông khác	158.808.540.000	87,50
Cộng	181.490.980.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại : (061) 3836130

Fax : (061) 3836023

Mã số thuế : 3600475018

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tắm lợp và xây lắp; Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị phụ tùng chuyên ngành xây dựng; Sản xuất, mua bán Clinker; Mua bán nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi, cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp, khu dân cư; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; Mua bán xe ô tô, xe gắn máy; Bốc xếp hàng hóa.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Công ty đang tiến hành đầu tư xây dựng Nhà máy nghiền xi măng với công suất thiết kế 1.800.000 tấn/năm tại ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Dự kiến Nhà máy này sẽ đi vào hoạt động trong quý 4 năm 2010.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 28).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2009 theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 4 năm 2010 và tạm trích lập các quỹ của 6 tháng đầu năm như sau:

- Cổ tức phải trả	:	27.223.647.000 VND
- Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	:	1.261.290.976 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	:	630.645.488 VND

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Chủ tịch	29 tháng 04 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Thành	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Dương Xuân Bình	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Jiang Wen	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Lê Trung Chính	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nho	Trưởng ban	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Phạm Đức Hùng	Thành viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Nguyễn Đoàn Dũng	Thành viên	29 tháng 04 năm 2010	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Tổng Giám đốc	01 tháng 07 năm 2005	-
Ông Nguyễn Bá Truật	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2002	-
Ông Dương Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 11 năm 2005	-
Ông Lê Trung Chính	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 11 năm 2005	-
Ông Trần Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 05 năm 2008	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	17 tháng 03 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc.



Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2010





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0852/2010/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty cổ phần tẩm lọc vật liệu xây dựng Đồng Nai gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 26 tháng 7 năm 2010, từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tuy nhiên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý đến người đọc Báo cáo tài chính đến các vấn đề sau:

- Công ty chưa hoàn thành thủ tục pháp lý đối với giá trị quyền sử dụng đất tại xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Công ty đã mua lại toàn bộ phần vốn của các cổ đông khác trong Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và đầu tư Phương Thảo – Phước Khánh để trở thành chủ sở hữu 100% của Công ty này. Hiện tại, Công ty cổ phần tẩm lọc vật liệu xây dựng Đồng Nai đang tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để tiến hành giải thể công ty này và tài sản nhận bàn giao từ Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và đầu tư Phương Thảo - Phước Khánh đang được ghi nhận trên chỉ tiêu phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (xem thuyết minh số V.20) và các khoản chi hộ cho Công ty này đang được ghi nhận trên chỉ tiêu các khoản phải thu khác (xem thuyết minh số V.4).

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

Võ Thành Công - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1033/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		113.692.207.356	116.837.140.803
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	28.723.844.949	34.184.247.291
1. Tiền	111		28.723.844.949	34.184.247.291
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.470.495.529	30.616.053.564
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	6.241.817.966	26.204.288.285
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	5.919.737.008	728.631.020
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	2.308.940.555	3.683.134.259
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		66.420.484.111	42.933.579.632
1. Hàng tồn kho	141	V.5	66.420.484.111	42.933.579.632
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.077.382.767	9.103.260.316
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.839.514.156	7.746.611.300
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	1.237.868.611	1.356.649.016

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		784.312.492.326	603.479.559.613
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		665.983.859.831	489.417.808.838
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	28.423.223.605	30.572.537.796
<i>Nguyên giá</i>	222		120.351.637.974	119.526.047.801
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(91.928.414.369)	(88.953.510.005)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	249.911.739	260.963.499
<i>Nguyên giá</i>	228		356.157.560	356.157.560
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(106.245.821)	(95.194.061)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	637.310.724.487	458.584.307.543
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		112.969.993.232	112.969.993.232
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	22.969.993.232	22.969.993.232
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	90.000.000.000	90.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.358.639.263	1.091.757.543
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	140.745.500
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.13	5.358.639.263	951.012.043
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		898.004.699.682	720.316.700.416

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		513.400.913.665	408.543.179.492
I. Nợ ngắn hạn	310		214.743.854.050	171.673.323.492
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	114.458.160.103	79.079.222.540
2. Phải trả người bán	312	V.15	63.118.209.362	57.027.873.926
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	5.944.150.471	16.385.974
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	1.869.280.816	5.478.245.223
5. Phải trả người lao động	315	V.18	2.246.605.517	10.570.215.306
6. Chi phí phải trả	316	V.19	211.572.345	1.688.981.504
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	22.195.190.340	13.076.304.899
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	4.700.685.096	4.736.094.120
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		298.657.059.615	236.869.856.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	298.600.745.429	236.869.856.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		56.314.186	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		384.603.786.017	311.773.520.924
I. Vốn chủ sở hữu	410		384.603.786.017	311.773.520.924
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	272.035.030.000	181.490.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	76.737.250.400	76.777.250.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.23	(3.138.270.745)	(2.623.766.138)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.23	11.243.301.309	11.243.301.309
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	9.186.150.577	8.555.505.089
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	18.540.324.476	36.330.250.264
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		898.004.699.682	720.316.700.416

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.24	5.145.655.344	552.519.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		39.460.608	39.460.608
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		36,437.12	36,288.10
Euro (EUR)		358.56	358,20
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 26 tháng 7 năm 2010



Bùi Thị Hoan
Người lập biểu


Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng
Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ


(Dạng đầy đủ)


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	149.846.271.350	137.502.642.044
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	149.846.271.350	137.502.642.044
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	120.870.884.223	103.645.649.888
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.975.387.127	33.856.992.156
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	122.103.536	4.631.734.573
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.447.880.573	2.252.897.311
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.252.545.145	1.462.068.041
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.764.862.023	2.134.494.259
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5.845.382.948	6.694.456.120
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.039.365.119	27.406.879.039
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.187.710.643	775.573.742
12. Chi phí khác	32		110.851.278	3.432.260
13. Lợi nhuận khác	40		1.076.859.365	772.141.482
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.116.224.484	28.179.020.521
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	3.649.821.308	8.439.744.304
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	140.745.500	(1.116.533.923)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.325.657.676	20.855.810.141
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	604	1.149

Đồng Nai, ngày 26 tháng 7 năm 2010


Bùi Thị Hoan
Người lập biểu


Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng


Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.116.224.484	28.179.020.521
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.7, 8	2.985.956.124	3.002.368.581
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	163.420.842
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(89.057.744)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6.252.545.145	1.462.068.041
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		24.354.725.753	32.717.820.241
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		21.170.976.378	(8.425.433.636)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(23.486.904.479)	44.779.358.452
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(15.405.839.866)	(111.827.517.775)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.274.710.145)	(3.447.169.168)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(4.740.543.000)	(3.706.873.208)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		28.902.318.883	100.982.032.352
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(34.558.900.000)	(61.130.149.573)
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.038.876.476)	(10.057.932.314)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(164.933.146.127)	(143.691.209.735)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	230.285.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	89.057.744
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(164.933.146.127)	(143.371.866.991)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.23	90.504.050.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14, 22	188.699.817.405	196.289.837.563
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14	(91.589.990.413)	(18.648.600.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.123.459.000)	(31.875.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>169.490.417.992</i></u>	<u><i>177.609.362.563</i></u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>(5.481.604.611)</i>	<i>24.179.563.258</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>34.184.247.291</i>	<i>3.592.499.891</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>21.202.269</i>	<i>(163.420.842)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<u><i>28.723.844.949</i></u>	<u><i>27.608.642.307</i></u>

Đồng Nai, ngày 26 tháng 7 năm 2010


Bùi Thị Hoan
Người lập biểu


Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng


Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và xây lắp.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tấm lợp và xây lắp; Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị phụ tùng chuyên ngành xây dựng; Mua bán nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp.
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Công ty đang tiến hành đầu tư xây dựng Nhà máy nghiền xi măng với công suất thiết kế 1.800.000 tấn/năm tại ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Dự kiến Nhà máy này sẽ đi vào hoạt động trong quý 4 năm 2010.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào khả năng thu hồi của các khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 20%
Máy móc và thiết bị	10% - 33,3%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5% - 12,5%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10% - 20%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao với tỷ lệ 2,5%/năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

9. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
30/06/2010 : 18.544 VND/USD

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	281.168.057	412.248.223
Tiền gửi ngân hàng	28.442.676.892	33.771.999.068
Cộng	28.723.844.949	34.184.247.291

2. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần vận tải An Tôn	5.947.862.636	15.964.576.550
Cửa hàng vật liệu xây dựng Bảy Mai	-	140.062.400
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	-	9.507.184.830
Các khách hàng khác	293.955.330	592.464.505
Cộng	6.241.817.966	26.204.288.285

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế cảng - kỹ thuật biển	156.460.000	156.460.000
Công ty cổ phần xây dựng vận tải thương mại dịch vụ số 9	1.839.589.098	-
Liao Ninh Gaoke Energy Group	3.000.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	923.687.910	572.171.020
Cộng	5.919.737.008	728.631.020

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản chi hộ Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và đầu tư Phương Thảo – Phước Khánh	711.265.899	711.265.899
Tiền cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh mượn	1.500.000.000	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	2.886.490.110
Các khoản phải thu khác	97.674.656	85.378.250
Cộng	2.308.940.555	3.683.134.259

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	59.983.498.154	40.694.917.664
Công cụ, dụng cụ	296.073.937	278.485.881
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	119.012.812	123.591.581
Thành phẩm	6.021.899.208	1.836.584.506
Cộng	66.420.484.111	42.933.579.632

Hàng tồn kho có giá trị 54.226.074.864 VND được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	1.231.568.611	1.350.349.016
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	6.300.000	6.300.000
Cộng	1.237.868.611	1.356.649.016

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	26.801.759.057	69.026.112.673	22.942.635.428	755.540.643	119.526.047.801
Mua sắm trong kỳ		332.426.900	440.372.364	52.790.909	825.590.173
Số cuối kỳ	26.801.759.057	69.358.539.573	23.383.007.792	808.331.552	120.351.637.974
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.020.250.883	47.459.501.309	4.109.107.287	412.767.606	51.981.376.202
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	20.909.633.327	56.891.102.873	10.495.905.532	656.868.273	88.953.510.005
Khấu hao trong kỳ	375.717.336	1.340.810.512	1.213.149.954	45.226.562	2.974.904.364
Số cuối kỳ	21.285.350.663	58.231.913.385	11.709.055.486	702.094.835	91.928.414.369
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.892.125.730	12.135.009.800	12.446.729.896	98.672.370	30.572.537.796
Số cuối kỳ	5.516.408.394	11.126.626.188	11.673.952.306	106.236.717	28.423.223.605
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 34.407.170.842 VND và 11.128.555.556 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Công thương Việt Nam – Sở giao dịch II.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	312.160.000	43.997.560	356.157.560
Số cuối kỳ	312.160.000	43.997.560	356.157.560
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	71.728.685	23.465.376	95.194.061
Khấu hao trong kỳ	6.652.002	4.399.758	11.051.760
Số cuối kỳ	78.380.687	27.865.134	106.245.821
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	240.431.315	20.532.184	260.963.499
Số cuối kỳ	233.779.313	16.132.426	249.911.739
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Nhà máy nghiền xi măng	437.241.186.011	154.244.499.198	591.485.685.209
Công trình bến xả lan	15.092.540.334	16.371.082.112	31.463.622.446
Các công trình khác	6.250.581.198	8.110.835.634	14.361.416.832
Cộng	458.584.307.543	178.726.416.944	637.310.724.487

Toàn bộ giá trị Nhà máy nghiền xi măng ở Nhơn Trạch được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam – Sở giao dịch II.

10. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và đầu tư Phương Thảo – Phước Khánh với tỷ lệ góp vốn là 100%.

11. Đầu tư dài hạn khác

Khoản góp vốn vào Công ty cổ phần xi măng Công Thanh với tỷ lệ vốn góp là 10%.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	140.745.500	124.300.000
Hoàn nhập trong kỳ	(140.745.500)	(124.300.000)
Số cuối kỳ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**13. Tài sản dài hạn khác**

Ký quỹ L/C thanh toán hợp đồng thi công xây dựng Nhà máy nghiền xi măng ở Nhơn Trạch.

14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	105.658.160.103	77.879.222.540
Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam – Sở giao dịch 2 ^(a)	87.041.311.767	64.934.222.540
Vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC ^(b)	18.616.848.336	12.945.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	8.800.000.000	1.200.000.000
Cộng	114.458.160.103	79.079.222.540

(a) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam – Sở giao dịch 2 để bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.7).

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC để mua nguyên vật liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa trong kho của Công ty (xem thuyết minh số V.5).

Chi tiết số phát sinh trong kỳ của các khoản vay như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	79.079.222.540	15.151.800.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	118.968.927.976	49.868.325.483
Số kết chuyển	8.000.000.000	-
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(91.589.990.413)	(18.648.600.000)
Số cuối kỳ	114.458.160.103	46.371.525.483

15. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	-	6.423.542.280
Các nhà cung cấp khác	63.118.209.362	50.604.331.646
Cộng	63.118.209.362	57.027.873.926

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	5.935.453.680	-
Các khách hàng khác	8.696.791	16.385.974
Cộng	5.944.150.471	16.385.974

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.675.647	(1.675.647)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.886.490.110	14.804.935.452	(17.691.425.562)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.254.793.668	(900.960.240)	353.833.428
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.564.971.758	3.649.821.308	(4.740.543.000)	1.474.250.066
Thuế thu nhập cá nhân	26.533.363	84.966.437	(71.298.538)	40.201.262
Thuế khác	249.992	1.754.754.864	(1.754.008.796)	996.060
Cộng	5.478.245.223	21.550.947.376	(25.159.911.783)	1.869.280.816

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Tắm lợp, xi măng, gạch	10%
- Vận chuyển, phế liệu	5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.13.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.116.224.484	28.179.020.521
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	46.042.748	6.077.156.693
- Các khoản điều chỉnh giảm	(562.982.000)	(497.200.000)
Thu nhập tính thuế	14.599.285.232	33.758.977.214
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.649.821.308	8.439.744.304

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Phải trả người lao động

Quỹ tiền lương được trích dựa vào số lượng thành phẩm tiêu thụ (riêng thành phẩm xi măng bao gồm cả tiêu thụ nội bộ) trong kỳ và đã được Hội đồng quản trị thông qua, cụ thể như sau:

- Xi măng :	24.000 đồng/tấn
- Tắm lợp :	2.000 đồng/m ²
- Gạch :	350 đồng/viên
- Ngói :	655 đồng/viên
- Đá Pozzolana :	24.000 đồng/tấn

19. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	15.700.000	1.009.000.000
Lãi vay phải trả	-	22.165.000
Chi phí khác	195.872.345	657.816.504
Cộng	211.572.345	1.688.981.504

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	137.395.462	14.688.600
Kinh phí công đoàn	76.811.370	263.535.914
Cổ tức phải trả	9.145.787.400	45.599.400
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và đầu tư Phương Thảo – Phước Khánh	11.997.831.638	11.997.831.638
Các khoản phải trả, phải nộp khác	837.364.470	754.649.347
Cộng	22.195.190.340	13.076.304.899

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3.086.059.124	882.903.683	(1.024.000.000)	2.944.962.807
Quỹ phúc lợi	1.650.034.996	378.387.293	(272.700.000)	1.755.722.289
Cộng	4.736.094.120	1.261.290.976	(1.296.700.000)	4.700.685.096

22. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam – Sở giao dịch II để đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, đất đai và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy nghiền xi măng ở Nhơn Trạch với công suất 1.800.000 tấn/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	8.800.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	248.600.745.429
Trên 5 năm	50.000.000.000
Tổng nợ	307.400.745.429

Chi tiết số phát sinh về khoản vay

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	236.869.856.000	13.425.444.224
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	69.730.889.429	146.421.512.080
Số kết chuyển	(8.000.000.000)	-
Số cuối kỳ	298.600.745.429	159.846.956.304

23. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	34.023.660.000	22.682.440.000
Vốn góp của các cổ đông khác	238.011.370.000	158.808.540.000
Thặng dư vốn cổ phần	76.737.250.400	76.777.250.400
Cộng	348.772.280.400	258.268.230.400

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức kỳ trước	18.123.459.000	31.875.000
Tạm ứng cổ tức kỳ này	-	-
Cộng	18.123.459.000	31.875.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.223.647	18.149.098
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.203.503	18.149.098
- Cổ phiếu phổ thông	27.203.503	18.149.098
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.203.503	18.149.098
- Cổ phiếu phổ thông	27.203.503	18.149.098
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ của các khoản công nợ.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

24. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vỏ bao nhận gia công cho Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên	8.400.000	-
Giá trị Clinker và vỏ bao nhận gia công xi măng cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	5.137.255.344	546.219.000
Vỏ bao nhận gia công cho Công ty hữu hạn xi măng Luks (Việt Nam)	-	6.300.000
Cộng	<u>5.145.655.344</u>	<u>552.519.000</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	149.846.271.350	137.502.642.044
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>92.562.586.375</i>	<i>122.848.255.734</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>57.283.684.975</i>	<i>14.654.386.310</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần	149.846.271.350	137.502.642.044

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	68.901.838.061	96.629.253.281
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	51.969.046.162	7.016.396.607
Cộng	120.870.884.223	103.645.649.888

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	117.547.286	236.028.598
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	89.057.744
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	4.306.648.231
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.556.250	-
Cộng	122.103.536	4.631.734.573

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.252.545.145	1.462.068.041
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.195.335.428	627.408.428
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	163.420.842
Cộng	7.447.880.573	2.252.897.311

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	907.555.981	1.137.188.742
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	-	27.178.820
Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.411.430	71.411.430
Chi phí dịch vụ mua ngoài	586.429.112	884.232.038
Chi phí khác	199.465.500	14.483.229
Cộng	1.764.862.023	2.134.494.259

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.989.610.303	2.531.186.912
Chi phí vật liệu quản lý	376.910.037	263.901.025
Chi phí đồ dùng văn phòng	156.799.770	34.810.366
Chi phí khấu hao tài sản cố định	680.141.414	459.064.704
Thuế, phí và lệ phí	105.369.368	39.291.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	892.030.132	772.954.493
Chi phí khác	1.644.521.924	2.593.247.620
Cộng	5.845.382.948	6.694.456.120

7. Thu nhập khác

Các khoản tiền điện và tiền nước thu lại từ nhà thầu xây dựng.

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.325.657.676	20.855.810.141
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.325.657.676	20.855.810.141
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.747.578	18.149.098
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	604	1.149

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.149.098	18.149.098
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 5 năm 2010	7.861	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 6 năm 2010	590.619	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.747.578	18.149.098

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.191.158.745	65.844.052.604
Chi phí nhân công	12.572.057.120	15.260.428.133
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.985.956.124	3.002.368.581
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.777.465.586	9.576.195.417
Chi phí khác	2.133.595.744	2.891.800.362
Cộng	132.660.233.319	96.574.845.097

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	553.516.324	366.813.610
Thưởng	99.800.000	-
Cộng	653.316.324	366.813.610

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và đầu tư Phương Thảo – Phước Khánh	Công ty con
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty cổ phần xi măng Công Thanh</i>		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	81.713.404.294	31.298.029.732
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.267.707.711	16.033.168.208
Cho mượn vật tư	-	15.053.330.856

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
<i>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và đầu tư Phương Thảo – Phước Khánh</i>				
Các khoản chi hộ phải thu	711.265.899		711.265.899	
<i>Công ty cổ phần xi măng Công Thanh</i>				
Bán hàng	-		9.507.184.830	
Cho vay	1.500.000.000		-	
Cộng nợ phải thu	2.211.265.899		10.218.450.729	
<i>Công ty cổ phần xi măng Công Thanh</i>				
Tiền mua nguyên vật liệu phải trả	-		6.423.542.280	
Nhận trước tiền bán hàng	5.935.453.680		-	
<i>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và đầu tư Phương Thảo – Phước Khánh</i>				
Các khoản phải trả	11.997.831.638		11.997.831.638	
Cộng nợ phải trả	17.933.285.318		18.421.373.918	

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường căn cứ trên hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Số liệu so sánh

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ Kế toán Doanh nghiệp. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 7 năm 2010



Bùi Thị Hoan
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa I, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Đơn vị tính: VND
							Cộng	
Số dư đầu năm trước	181.490.980.000	76.827.250.400	-	11.243.301.309	6.890.640.317	20.716.309.144	297.168.481.170	
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	33.297.295.436	33.297.295.436	
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(12.688.760.000)	(12.688.760.000)	
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	1.664.864.772	(4.994.594.316)	(3.329.729.544)	
Phát sinh khác	-	(50.000.000)	(2.623.766.138)	-	-	-	(2.673.766.138)	
Số dư cuối năm trước	181.490.980.000	76.777.250.400	(2.623.766.138)	11.243.301.309	8.555.505.089	36.330.250.264	311.773.520.924	
Số dư đầu năm nay	181.490.980.000	76.777.250.400	(2.623.766.138)	11.243.301.309	8.555.505.089	36.330.250.264	311.773.520.924	
Tăng vốn trong kỳ	90.544.050.000	(40.000.000)	-	-	-	-	90.504.050.000	
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	11.325.657.676	11.325.657.676	
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(27.223.647.000)	(27.223.647.000)	
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	630.645.488	(1.891.936.464)	(1.261.290.976)	
Phát sinh khác	-	-	(514.504.607)	-	-	-	(514.504.607)	
Số dư cuối năm kỳ	272.035.030.000	76.737.250.400	(3.138.270.745)	11.243.301.309	9.186.150.577	18.540.324.476	384.603.786.017	

Đồng Nai, ngày 26 tháng 7 năm 2010



(Signature)

Bùi Thị Hoan
Người lập biểu

(Signature)
Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng

(Signature)
Nguyễn Công Lý
Giám đốc